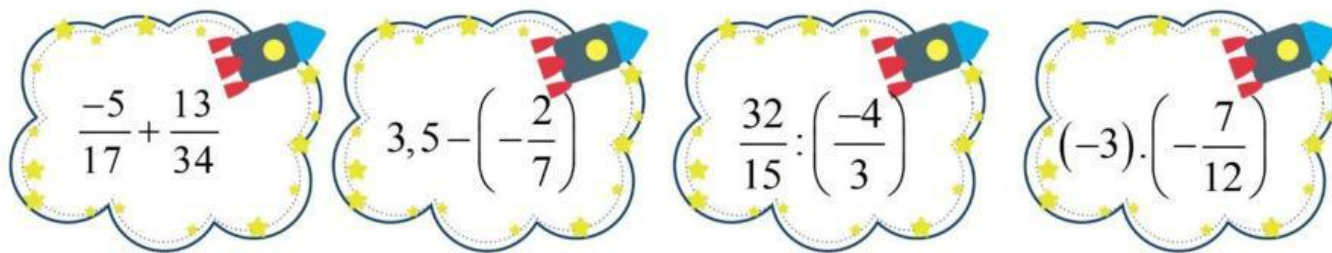


Bài tập nối: Em hãy nối kết quả tương ứng với mỗi phép tính dưới đây:



$\frac{-5}{17} + \frac{13}{34}$ $3,5 - \left(-\frac{2}{7}\right)$ $\frac{32}{15} : \left(-\frac{4}{3}\right)$ $(-3) \cdot \left(-\frac{7}{12}\right)$



Trắc nghiệm

Câu 1: Với các biểu thức chỉ có phép cộng và phép trừ hoặc chỉ có phép nhân và phép chia ta thực hiện các phép tính từ:

- A. trái sang phải B. phải sang trái
C. giữa sang trái rồi sang phải D. giữa sang phải rồi sang trái

Câu 2: Với biểu thức có dấu ngoặc, ta thực hiện tính...

- A. trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau B. ngoài ngoặc trước, trong ngoặc sau
C. bất kỳ D. trong ngoặc, không cần tính ngoài ngoặc

Câu 3: Với biểu thức không có dấu ngoặc, ta thực hiện tính theo thứ tự nào sau đây?

- A. Lũy thừa > Cộng và trừ > Nhân và chia
B. Nhân và chia > Cộng và trừ > Lũy thừa
C. Lũy thừa > Nhân và chia > Cộng và trừ
D. Cộng và trừ > Lũy thừa > Nhân và chia



Câu 4: Khi đổi số hạng mang dấu “+” từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải làm gì?

- A. Dấu “+” thì giữ nguyên.
- B. Phải đổi dấu số hạng đó: dấu “+” đổi thành dấu “-”.
- C. Không được chuyển vế.
- D. Không có số hạng nào mang dấu “+”.

Câu 5: Khi đổi số hạng mang dấu “-” từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải làm gì?

- A. Phải đổi dấu số hạng đó: dấu “-” đổi thành dấu “+”
- B. Giữ nguyên dấu.
- C. Không được chuyển vế.
- D. Không có số hạng nào mang dấu “-”.

Câu 6: Cho $a = b$, ta có tính chất nào sau đây?

- A. $b = a$.
- B. $a + c = b + c$.
- C. Hai tính chất A và B.
- D. Không có tính chất nào như trên.

Câu 7: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống. Với các biểu thức có dấu ngoặc, ta thực hiện trong ngoặc ..., ngoài ngoặc

- A. sau; trước
- B. trước; sau
- C. trước; trước
- D. sau; sau

Câu 8: Khi chuyển số hạng mang dấu “-” sang vế khác. Dấu của số hạng thay đổi sang dấu nào?

- A. Dấu “+”.
- B. Dấu “:”.
- C. Dấu “-”.
- D. Dấu “x”.

Câu 9: Nếu biểu thức gồm các phép cộng, trừ và nhân, chia thì ta thực hiện tính theo thứ tự nào?

A. Nhân, cộng trước; chia, trừ sau.

B. Cộng, trừ trước; nhân, chia sau.

C. Nhân, chia trước; cộng, trừ sau.

D. Chia, trừ trước; nhân, cộng sau.

Câu 10: Dạng thức có vẻ nào sau đây?

A. Chỉ có vẻ phải.

B. Vẻ trái.

C. Vẻ phải.

D. Vẻ trái và vẻ phải.

Câu 11: Lũy thừa của một tích bằng?

A. Tích các lũy thừa.

B. Hiệu các lũy thừa.

C. Tổng các lũy thừa.

D. Thương các lũy thừa.

Câu 12: Quy tắc chuyển vế áp dụng cho các số nào?

A. Số một.

B. Số tự nhiên

C. Số hữu tỉ.

D. Tất cả các số hạng trong đẳng thức.

Câu 13: Thứ tự thực hiện phép tính với các số tự nhiên vẫn ... đối với các số hữu tỉ

A. sai.

B. đúng.

C. khác

D. không áp dụng

Câu 14: Biểu thức nào dưới đây thể hiện quy tắc đổi dấu của số hạng khi chuyển vế? Với $a, b, c \neq 0$

A. $a + b = c$ thì $a = c - b$.

B. $a + b = c$ thì $a = c + b$.

C. $a + b = c$ thì $a = b - c$.

D. $a + b = c$ thì $a = -c - b$.

Câu 15: Cho biểu thức $(a - b).c + d$. Ta cần tính phép tính nào đầu tiên?

A. $c + d$.

B. $b.c$.

C. $(a - b).$

D. $a.c$

Câu 16: Cho biểu thức $a + 2b = c$. Chuyển về số hạng a sang về phải ta có

A. $2b = a - c$.

B. $2b = -a - c$.

C. $2b = c + a$.

D. $2b = c - a$.

Câu 17: Xác định vế trái của đẳng thức $x + 3 = 7$

A. 3.

B. 7.

C. $x + 3$.

D. x .

Câu 18: Quy tắc chuyển vế nào sau đây là **không** đúng? Cho $x + 11 = 9$

A. $x = 9 - 11$.

B. $x = 9 + 11$.

C. $x + 11 - 9 = 0$.

D. $11 = 9 - x$.

Câu 19: Tìm số a trong đẳng thức $a + 5 = 9$?

A. $a = 4$.

B. $a = 5$.

C. $a = 7$.

D. $a = 6$

Câu 20: Cho phép tính $x - 0,5 = 0,25$

$$x = 0,25 + 0,5$$

$$x = 0,75$$

Phép tính trên sử dụng quy tắc tính nào?

A. Quy tắc thứ tự thực hiện phép tính.

B. Quy tắc chuyển vế.

C. Quy tắc nhân.

D. Quy tắc chia.